**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động  
  
*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)  
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[Nhật ký trong tù](" \l "bm2)

[Mở đầu tập nhật ký](" \l "bm3)

[Bị bắt giữ ở phố Túc Vinh](" \l "bm4)

[Vào nhà ngục huyện Tĩnh Tây](" \l "bm5)

[Đường đời hiểm trở](" \l "bm6)

[Buổi sớm](" \l "bm7)

[Buổi trưa](" \l "bm8)

[Lời hỏi](" \l "bm9)

[Quá trưa](" \l "bm10)

[Chiều hôm](" \l "bm11)

[Cơm tù](" \l "bm12)

[Bạn tù thổi sáo](" \l "bm13)

[Cái cùm](" \l "bm14)

[Học đánh cờ](" \l "bm15)

[Ngắm trăng](" \l "bm16)

[Chia nước](" \l "bm17)

[Trung thu](" \l "bm18)

[Đánh bạc](" \l "bm19)

[Tù đánh bạc](" \l "bm20)

[Bạn tù họ Mạc](" \l "bm21)

[Bạn tù L, nguyên là chủ nhiệm](" \l "bm22)

[Tết Song thập bị giải đi Thiên Bảo](" \l "bm23)

[Đi đường](" \l "bm24)

[Chiều tối](" \l "bm25)

[Đêm ngủ ở Long Tuyền](" \l "bm26)

[Điền Đông](" \l "bm27)

[Mới đến nhà lao Thiên Bảo](" \l "bm28)

[Vợ người bạn tù đến nhà lao thăm chồng](" \l "bm29)

[Các báo đăng tin: Đại hội hoan nghênh Willkie](" \l "bm30)

[Tự khuyên mình](" \l "bm31)

[Cảnh đồng nội](" \l "bm32)

[Hàng cháo](" \l "bm33)

[Nhà lao Quả Đức](" \l "bm34)

[Bác Lưu, Sở trưởng Long An](" \l "bm35)

[Giải đi sớm](" \l "bm36)

[Đồng Chính](" \l "bm37)

[Chăn giấy của người bạn tù](" \l "bm38)

[Đêm lạnh](" \l "bm39)

[Dây trói](" \l "bm40)

[Rụng mất một chiếc răng](" \l "bm41)

[Long An – Đồng Chính](" \l "bm42)

[Trên đường phố](" \l "bm43)

[Trên đường đi](" \l "bm44)

[Gia quyến người bị bắt lính](" \l "bm45)

[Pha trò](" \l "bm46)

[Đi Nam Ninh](" \l "bm47)

[Cảnh binh khiêng lợn cùng đi](" \l "bm48)

[Hụt chân ngã](" \l "bm49)

[Giữa đường đáp thuyền đi Ung Ninh](" \l "bm50)

[Nhà ngục Nam Ninh](" \l "bm51)

[Buồn bực](" \l "bm52)

[Nghe gà gáy](" \l "bm53)

[Một người tù cờ bạc chết cứng](" \l "bm54)

[Lại một người nữa...](" \l "bm55)

[Cấm hút thuốc](" \l "bm56)

[Nửa đêm nghe tiếng khóc chồng](" \l "bm57)

[Hoàng hôn](" \l "bm58)

[Tiền công](" \l "bm59)

[Ngủ không được](" \l "bm60)

[Nhớ bạn](" \l "bm61)

[Viết hộ báo cáo cho các bạn tù](" \l "bm62)

[Ghẻ lở](" \l "bm63)

[Nghe tiếng giã gạo](" \l "bm64)

[Ngày 11 tháng 11](" \l "bm65)

[Báo động](" \l "bm66)

[Chơi chữ](" \l "bm67)

[“Quán trọ”](" \l "bm68)

[Nắng sớm](" \l "bm69)

[“Việt Nam có bạo động”](" \l "bm70)

[Đoàn đại biểu Anh sang thăm Trung Hoa](" \l "bm71)

[Giải đi Vũ Minh](" \l "bm72)

[Thịt chó ở Bào Hương](" \l "bm73)

[Phu làm đường](" \l "bm74)

[Lính ngục đánh cắp mất chiếc gậy của ta](" \l "bm75)

[Cột cây số](" \l "bm76)

[Cháu bé trong ngục Tân Dương](" \l "bm77)

[Gửi Nehru](" \l "bm78)

[Tiền đèn](" \l "bm79)

[Sinh hoạt trong tù](" \l "bm80)

[Tiên sinh họ Quách](" \l "bm81)

[Trưởng ban họ Mạc](" \l "bm82)

[Nhà lao Thiên Giang](" \l "bm83)

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Nhật ký trong tù**

   
**獄中日記**  
**Ngục trung nhật ký**  
**Nhật ký trong tù**  
  
身体在獄中  
精神在獄外  
欲成大事業  
精神更要大  
   
Thân thể tại ngục trung  
Tinh thần tại ngục ngoại  
Dục thành đại sự nghiệp  
Tinh thần cánh yếu đại  
Bản dịch của Nam Trân:  
Thân thể ở trong lao,  
Tinh thần ở ngoài lao;  
Muốn nên sự nghiệp lớn,  
Tinh thần phải càng cao.  
   
Trong nguyên bản, bốn câu thơ này không có đầu đề, chép ở ngoài bìa tập Ngục trung nhật ký cùng hình vẽ hai tay bị xiềng, có lẽ được tác giả xem như lời đề từ cho toàn tập.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Mở đầu tập nhật ký**

   
**開卷**  
**Khai quyển**  
**Mở đầu tập nhật ký**  
  
老夫原不愛吟詩  
因為囚中無所為  
聊借吟詩消永日  
且吟且待自由時  
   
Lão phu nguyên bất ái ngâm thi  
Nhân vị tù trung vô sở vi  
Liêu tá ngâm thi tiêu vĩnh nhật  
Thả ngâm thả đãi tự do thì  
Bản dịch của Nam Trân:  
Ngâm thơ ta vốn không ham,  
Nhưng vì trong ngục biết là chi đây;  
Ngày dài ngâm đợi cho khuây,  
Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Bị bắt giữ ở phố Túc Vinh**

**在足榮街被扣留**   
**Tại Túc Vinh nhai bị khấu lưu**   
**Bị bắt giữ ở phố Túc Vinh**   
  
足榮却使余蒙辱   
故意遲延我去程   
間諜嫌疑空捏造   
把人名誉白牺牲   
    
Túc Vinh khước sử dư mông nhục   
Cố ý trì diên ngã khứ trình   
Gián điệp hiềm nghi không niết tạo   
Bả nhân danh dự bạch hy sinh   
Bản dịch của Huệ Chi:   
Túc Vinh mà để ta mang nhục,   
Cố ý dằng dai, chậm bước mình;   
Bịa chuyện tình nghi là gián điệp,   
Cho người vô cớ mất thanh danh.   
    
Túc Vinh là tên một phố ở thị trấn huyện Thiên Bảo, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc; nơi tác giả bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt ngày 29/08/1942. Câu đầu bài thơ còn ngụ ý chơi chữ, lấy “mông nhục” (mang nhục) đối lại với “túc vinh” (đủ vinh), làm tăng ý nghĩa mỉa mai hài hước việc bắt người vô lý.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Vào nhà ngục huyện Tĩnh Tây**

**入靖西縣獄**   
**Nhập Tĩnh Tây huyện ngục**   
**Vào nhà ngục huyện Tĩnh Tây**   
  
獄中舊犯迎新犯   
天上晴雲逐雨雲   
晴雨浮雲飛去了   
獄中留住自由人   
    
Ngục trung cựu phạm nghênh tân phạm   
Thiên thượng tình vân trục vũ vân   
Tình vũ phù vân phi khứ liễu   
Ngục trung lưu trú tự do nhân   
Bản dịch của Nam Trân:   
Trong lao tù cũ đón tù mới,   
Trên trời mây tạnh đuổi mây mưa;   
Tạnh, mưa, mây nổi bay đi hết,   
Còn lại trong tù khách tự do.   
    
Tĩnh Tây là một huyện thuộc Quảng Tây, gần biên giới Trung - Việt. Tác giả bị bắt ở huyện Thiên Bảo cách Tĩnh Tây khá xa nhưng lại bị đưa ngược về Tĩnh Tây giam giữ.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Đường đời hiểm trở**

**世路難**   
**Thế lộ nan**   
**Đường đời hiểm trở**   
一   
走遍高山與峻岩   
那知平路更**難**堪   
高山遇虎終無恙   
平路逢人却被監   
二   
余原代表越南民   
擬到中华見要人   
無奈風波平地起   
送余入獄作嘉賓   
三   
忠誠我本無心疚   
却被嫌疑做漢奸   
處世原來非易易   
而今處世更難難   
    
Tẩu biến cao sơn dữ tuấn nham   
Na tri bình lộ cánh nan kham   
Cao sơn lộ hổ chung vô dạng   
Bình lộ phùng nhân khước bị giam.   
    
Dư nguyên đại biểu Việt Nam dân   
Nghĩ đáo Trung Hoa kiến yếu nhân   
Vô nại phong ba bình địa khởi   
Tống dư nhập ngụ tác gia tân   
    
Trung thành ngã bản vô tâm cứu   
Khước bị hiềm nghi tố Hán gian   
Xử thế nguyên lai phi dị dị   
Nhi kim xử thế cánh nan nan.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Đi khắp đèo cao, khắp núi cao,   
Ngờ đâu đường phẳng lại lao đao!   
Núi cao gặp hổ mà vô sự,   
Đường phẳng gặp người bị tống lao?!   
    
Ta là đại biểu dân Việt Nam,   
Tìm đến Trung Hoa để hội đàm;   
Ai ngỡ đất bằng gây sóng gió,   
Phải làm “khách quý” ở nhà giam!   
    
Ta người ngay thẳng, lòng trong trắng,   
Lại bị tình nghi là Hán gian;   
Xử thế từ xưa không phải dễ,   
Mà nay, xử thế khó khăn hơn.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Buổi sớm**

**早**   
**Tảo**   
**Buổi sớm**   
一   
太陽每早從牆上   
照着龍門門未開   
籠裡現時還黑暗   
光明却已面前來   
二   
早起人人争獵虱   
八鐘响了早餐開   
勸君且吃一個飽   
否極之時必泰來   
    
Thái dương mỗi tảo tòng tường thượng   
Chiếu trước lung môn môn vị khai   
Lung lý hiện thời hoàn hắc ám   
Quang minh khước dĩ diện tiền lai.   
    
Tảo khởi nhân nhân tranh liệp sắt   
Bát chung hưởng liễu tảo xan khai   
Khuyến quân thả ngật nhất cá bão   
Bĩ cực chi thì tất thái lai.   
Bản dịch của Nam Trân - Xuân Thủy:   
Đầu tường sớm sớm vầng dương mọc,   
Chiếu cửa nhà lao, cửa vẫn cài;   
Trong ngục giờ đây còn tối mịt,   
Ánh hồng trước mặt đã bừng soi.   
    
Sớm dậy, người người đua bắt rận,   
Tám giờ chuông điểm, bữa ban mai;   
Khuyên anh hãy gắn ăn no bụng,   
Bĩ cực rồi ra ắt thái lai.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Buổi trưa**

**午**   
**Ngọ**   
**Buổi trưa**   
  
獄中**午**睡真舒服   
一睡昏昏幾句鐘   
夢見乘龍天上去   
醒時才覺卧籠中   
    
Ngục trung ngọ thụy chân như phục   
Nhất thụy hôn hôn kỷ cú chung   
Mộng kiến thừa long thiên thượng khứ   
Tỉnh thời tài giác ngọa lung trung   
Bản dịch của Nam Trân:   
Trong tù khoan khoái giấc ban trưa,   
Một giấc miên man suốt mấy giờ;   
Mơ thấy cưỡi rồng lên thượng giới,   
Tỉnh ra trong ngục vẫn nằm trơ.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Lời hỏi**

**問話**   
**Vấn thoại**   
**Lời hỏi**   
  
社會的兩極   
法 官與犯人   
官曰你有罪   
犯曰我良民   
官曰你說假   
犯曰我言真   
法 官性本善   
假裝惡狺狺   
要 入人於罪   
卻假意慇懃   
這兩極之奸   
立 著公理神   
    
X ã hội đ í ch lưỡng cực,   
Pháp quan dữ phạm nh â n;   
Quan viết: nhĩ hữu tội,   
Phạm viết: ng ã lương d â n;   
Quan viết: nhĩ thuyết giả,   
Phạm viết: ng ã ng ô n ch â n;   
Pháp quan tính bản thiện,   
Giả trang ác ng â n ng â n;   
Yếu nhập nh â n ư tội,   
Khước giả ý â n cần;   
Giá lưỡng cực chi gian,   
Lập trước c ô ng l ý thần.   
Bản dịch của Huệ Chi - Nguyễn Sĩ Lâm   
Hai cực trong x ã hội,   
Quan toà và phạm nh â n;   
Quan rằng: anh có tội,   
Phạm thưa: t ô i lương d â n;   
Quan rằng: anh nói dối,   
Phạm thưa: thực tr ă m phần;   
Quan toà tính vốn thiện,   
Vờ làm bộ dữ dằn;   
Muốn khép người vào tội,   
Lại ra vẻ â n cần;   
Ở giữa hai cực đ ó ,   
C ô ng l ý đ ứng làm thần.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Quá trưa**

**午後**   
**Ngọ hậu**   
**Quá trưa**   
  
二點開籠換空氣   
人人仰看自由天   
自由天上神仙客   
知否籠中也有仙   
    
Nhĩ điểm khai lung hoán không khí   
Nhân nhân ngưỡng khán tự do thiên   
Tự do thiên thượng thần tiên khách   
Tri phủ lung trung dã hữu tiên.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Hai giờ ngục mở thông hơi,   
Tù nhân ngẩng mặt ngắm trời tự do;   
Tự do tiên khách trên trời,   
Biết chăng trong ngục có người khách tiên?   
Bản dịch của Vũ Huy Động:   
Hai giờ ngục mở thay không khí,   
Ai nấy nhìn lên: trời tự do!   
Tiên khách tự do trên thượng giới,   
Biết chăng, tiên cũng ở trong tù?

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Chiều hôm**

**晚**   
**Vãn**   
**Chiều hôm**   
  
晚餐吃了日西沉   
處處山歌與 樂 音   
幽暗靖西禁閉室   
忽成美術小翰林   
    
Vãn xan ngật liễu nhật tây trầm   
Xứ xứ sơn ca dữ nhạc âm   
U ám Tĩnh Tây cấm bế thất   
Hốt thành mỹ thuật tiểu hàn lâm.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Cơm xong, bóng đã xuống trầm trầm,   
Vang tiếng đàn ca, rộn tiếng ngâm;   
Nhà ngục Tĩnh Tây mờ mịt tối,   
Bỗng thành nhạc quán viện hàn lâm.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Cơm tù**

**囚粮**   
**Tù lương**   
**Cơm tù**   
  
每餐一碗紅米飯   
無盐無菜又無湯   
有人送飯吃得飽   
没人送飯喊爺娘   
    
Mỗi xan nhất uyển hồng mễ phạn   
Vô diêm vô thái hựu vô thang   
Hữu nhân tống phạn ngật đắc bão   
Một nhân tống phạn hám gia nương   
Bản dịch của Nam Trân – Băng Thanh:   
Không rau, không muối, canh không có,   
Mỗi bữa lưng cơm đỏ gọi là;   
Có kẻ đem cơm còn chắc dạ,   
Không người lo bữa đói kêu cha.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Bạn tù thổi sáo**

**難友吹笛**   
**Nạn hữu xuy địch**   
**Bạn tù thổi sáo**   
    
獄中 忽聽思鄉曲   
聲轉淒涼調轉愁   
千里關河無限感   
閨人更上一層樓   
    
Ngục trung hốt thính tư hương khúc   
Thanh chuyển thê lương điệu chuyển sầu   
Thiên lý quan hà vô hạn cảm   
Khuê nhân cánh thượng nhất tằng lâu.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Bỗng nghe trong ngục sáo vi vu,   
Khúc nhạc tình quê chuyển điệu sầu;   
Muôn dặm quan hà, khôn xiết nỗi,   
Lên lầu ai đó ngóng trông nhau.   
Bản dịch của Huệ Chi:   
Trong lao vẳng khúc nhạc tình quê,   
Âm chuyển sầu, thương, điệu tái tê;   
Nghìm dặm quan hà, khôn xiết nỗi,   
Lên lầu, xa ngóng, khách phòng khuê.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Cái cùm**

**脚閘**   
**Cước áp**   
**Cái cùm**   
一   
狰獰餓口似兇神   
晚晚張開把脚吞   
各人被吞了右脚   
只剩左脚能屈伸   
二   
世間更有離奇事   
人憫争先上脚鉗   
因為有鉗才得睡   
無鉗没處可安眠   
    
Tranh ninh ngạ khẩu tự hung thần   
Vãn vãn trương khai bả cước thôn   
Các nhân bị thôn liễu hữu cước   
Chỉ thặng tả cước năng khuất thân.   
    
Thế gian cánh hưu ly kỳ sự   
Nhân mẫn tranh tiên thượng cước kiềm   
Nhân vị hữu kiềm tài đắc thụy   
Vô kiềm một xứ khả an miên.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Dữ tợn hung thần miệng chực nhai,   
Đêm đêm há hốc nuốt chân người;   
Mọi người bị nuốt chân bên phải,   
Co duỗi còn chân bên trái thôi.   
    
Nghĩ việc trên đời kỳ lạ thật,   
Cùm chân sau trước cũng tranh nhau;   
Được cùm chân mới yên bề ngủ,   
Không được cùm chân biết ngủ đâu?

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Học đánh cờ**

**學奕棋**   
**Học dịch kỳ**   
**Học đánh cờ**   
一   
閑坐無聊**學奕棋**   
千兵萬馬共驅馳   
進攻退守應神速   
高才疾足先得之   
二   
眼光應大心應細   
堅决時時要進攻   
錯路雙車也没用   
逢時一卒可成功   
三   
雙方勢力本平均   
勝利终須屬一人   
攻守運籌無漏著   
才稱英勇大將軍   
    
Nhàn tọa vô liêu học dịch kỳ   
Thiên binh vạn mã cộng khu trì;   
Tấn công thoái thủ ưng thần tốc,   
Cao tài tật túc tiên đắc chi.   
    
Nhãn quang ưng đại tâm ưng tế   
Kiên quyết thời thời yếu tấn công   
Thác lộc song xa dã một dụng   
Phùng thời nhất tốt khả thành công?   
    
Song phương thế lực thản bình quân   
Thắng lợi chung tu thuộc nhất nhân;   
Công thủ vận trù vô lậu trước,   
Tài xưng anh dũng đại tướng quân.   
Bản dịch của Văn Trực – Văn Phụng:   
Nhàn rỗi đem cờ học đánh chơi,   
Thiên binh vạn mã đuổi nhau hoài;   
Tấn công, thoái thủ nên thần tốc,   
Chân lẹ, tài cao ắt thắng người.   
    
Phải nhìn cho rộng suy cho kỹ,   
Kiên quyết, không ngừng thế tấn công;   
Lạc nước, hai xe đành bỏ phí,   
Gặp thời, một tốt cũng thành công.   
    
Vốn trước hai bên ngang thế lực,   
Mà sau thắng lợi một bên giành;   
Tấn công, phòng thủ không sơ hở,   
Đại tướng anh hùng mới xứng danh.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Ngắm trăng**

**望月**   
**Vọng nguyệt**   
**Ngắm trăng**   
  
獄中 無酒亦無花   
對此良宵奈若何   
人向窗前看明月   
月從窗隙看詩家   
    
Ngục trung vô tửu diệc vô hoa   
Đối thử lương tiêu nại nhược hà?   
Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt   
Nguyệt tòng song khích khán thi gia.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Trong tù không rượu cũng không hoa,   
Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ;   
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,   
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Chia nước**

**分水**   
**Phân thủy**   
**Chia nước**   
  
每人分得水半盆   
洗面烹茶各随便   
誰要洗面勿烹茶   
誰要烹茶勿洗面   
    
Mỗi nhân phân đắc thủy bán bồn   
Tẩy diện phanh trà các tùy tiện   
Thùy yếu tẩy diện vật phanh tra   
Thùy yếu phanh tra vật tẩy diện.   
Bản dịch của Nam Trân - Trần Đắc Thọ:   
Mỗi người nửa chậu nước nhà pha,   
Rửa mặt pha trà tự ý ta;   
Ai muốn pha trà, đừng rửa mặt,   
Ai cần rửa mặt, chớ pha trà.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Trung thu**

**中 秋**   
**Trung thu**   
一   
中 秋秋月圓如鏡   
照耀人間白似銀   
家裡团圓吃秋節   
不忘 獄 裡吃愁人   
二   
獄中 人也賞 中 秋   
秋月秋風帶点愁   
不得自由賞秋月   
心随秋月共悠悠   
Trung thu thu nguyệt viên như kính   
Chiếu diệu nhân gian bạch tự ngân   
Gia lý đoàn viên ngật thu tiết   
Bất vong ngục lý ngật sầu nhân.   
    
Ngục trung nhân dã thưởng trung thu   
Thu nguyệt thu phong đới điểm sầu   
Bất đắc tự do thưởng thu nguyệt   
Tâm tùy thu nguyệt cộng du du!   
Bản dịch của Văn Trực – Văn Phụng:   
Trung thu vành vạnh mảnh gương thu,   
Sáng khắp nhân gian bạc một màu;   
Sum họp nhà ai ăn tết đó,   
Chẳng quên trong ngục kẻ ăn sầu.   
    
Trung thu ta cũng tết trong tù,   
Trăng gió đêm thu gợn vẻ sầu;   
Chẳng được tự do mà thưởng nguyệt,   
Lòng theo vời vợi mảnh trăng thu.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Đánh bạc**

**賭**   
**Đổ**   
**Đánh bạc**   
    
民間賭博被官拉   
獄 裡賭博可公開   
被拉賭犯常嗟悔   
何不先到這裡來   
    
Dân gian đổ bác bị quan lạp   
Ngục lý đổ bác khả công khai   
Bị lạp đổ phạm thường ta hối   
Hà bất tiên đáo giá lý lai!?   
Bản dịch của Nam Trân:   
Đánh bạc ở ngoài, quan bắt tội,   
Trong tù đánh bạc được công khai;   
Bị tù, con bạc ăn năn mãi:   
Sao trước không vô quách chốn này!?

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Tù đánh bạc**

**賭 犯**   
**Đổ phạm**   
**Tù đánh bạc**   
  
公家不給賭犯飯   
欲令他們悔前非   
硬犯餚饌天天有   
窮犯飢涎共淚垂   
Công gia bất cấp đổ phạm phạn   
Dục linh tha mẫn hối tiền phi   
“Ngạnh” phạm hào soạn thiên thiên hữu   
Cùng phạm cơ diên cộng lệ thùy.   
Bản dịch của Nam Trân - Huệ Chi:   
Quan không cấp bữa cho tù bạc,   
Để họ mau chừa tội cũ hơn;   
Tù “cứng” ngày ngày no rượu thịt,   
Tù nghèo, dãi với lệ cùng tuôn.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Bạn tù họ Mạc**

**難友幕某**   
**Nạn hữu Mạc mỗ**   
**Bạn tù họ Mạc**   
  
富家子弟貧家教   
賭膽如天膽似鍼   
車代炮財真偉大   
在囚仍想喫人葠   
Phú gia tử đ ệ, bần gia giáo,   
Đ ổ đ ảm như thiên, đ ảm tự châm;   
“Xa đ ại pháo tài”, chân vĩ đ ại,   
Tại tù nhưng tưởng ngật nhân sâm.   
Bảng dịch của Nam Trân:   
Con nhà giàu có, nghèo gia giáo,   
Đ ánh bạc gan trời, mật tựa kim;   
“Một tấc lên mây”, ghê gớm thật,   
Ngồi tù mà vẫn ước nhân sâm.   
Bản dịch của Khương Hữu Dụng:   
Con nhà giàu, giáo dục nghèo,   
To “gan đ ánh bạc”, bé teo “gan người”;   
Ba hoa khoác lác thật tài,   
Ở tù mà lại cứ đ òi ă n sâm.   
“Xa đ ại pháo tài” là một thành ngữ ở vùng Quảng Đ ông có nghĩa như “một tấc đ ến trời”.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Bạn tù L, nguyên là chủ nhiệm**

**難友原主任 L**   
**Nạn hữu nguyên chủ nhiệm L**   
**Bạn tù L, nguyên là chủ nhiệm**   
  
國家重托鎮邊陲   
胡乃忘公只願私   
鉹礦常從邊界去   
金錢爐裡鑄囚詩   
Quốc gia trọng thác trấn biên thùy   
Hồ nãi vong công chỉ nguyện tư?   
Thế khoáng thường tòng biên giới khứ   
Kim tiền lô lý chú tù thi.   
Bản dịch của Nam Trân - Huệ Chi:   
Quốc gia phó thác giữ biên khu,   
Sao nhãng việc công, mải việc tư?   
Quặng thiếc chuồn qua biên giới sạch,   
Nên lò đúc bạc... đúc thơ tù.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Tết Song thập bị giải đi Thiên Bảo**

**雙十日解往天保**   
**Song thập nhật giải vãng Thiên Bảo**   
**Tết Song thập bị giải đi Thiên Bảo**   
  
家家結綵與張燈   
國慶歡聲舉國騰   
我却今天被绑解   
逆風有意阻飛鵬   
Gia gia kết thái dữ trương đăng   
Quốc khánh hoan thanh cử quốc đằng   
Ngã khước kim thiên bị bang giải   
Nghịch phong hữu ý trở phi bằng.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Nhà nhà hoa kết với đèn giăng,   
Quốc khánh reo vui cả nước mừng;   
Lại đúng hôm nay ta bị giải,   
Oái oăm giá cản cánh chim bằng.   
    
Tác giả vốn bị bắt ở thị trấn Thiên Bảo, sau đó bị đưa đi giam ở Tĩnh Tây, rồi lại bị giải trở lại Thiên Bảo vào đúng ngày Tết Song thập, tức lễ Quốc khánh 10-10 của Trung Hoa Dân Quốc.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Đi đường**

**走路**   
**Tẩu lộ**   
**Đi đường**   
  
走路才知走路難   
重山之外又重山   
重山登到高峰後   
萬里與图顧盼間   
Tẩu lộ tài tri tẩu lộ nan   
Trùng san chi ngoại hựu trùng san   
Trùng san đăng đáo cao phong hậu   
Vạn lý dư đồ cố miện gian.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Đi đường mới biết gian lao,   
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng;   
Núi cao lên đến tận cùng,   
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Chiều tối**

**暮**   
**Mộ**   
**Chiều tối**   
  
倦鳥歸林尋宿樹   
孤雲慢慢度天空   
山村少女磨包粟   
包粟磨完炉 已烘   
Quyện điểu quy lâm tầm túc thụ   
Cô vân mạn mạn độ thiên không   
Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc   
Bao túc ma hoàn lô dĩ hồng.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ,   
Chòm mây trôi nhẹ giữa từng không;   
Cô em xóm núi xay ngô tối,   
Xay hết, lò than đã rực hồng.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Đêm ngủ ở Long Tuyền**

**夜宿龍泉**   
**Dạ túc Long Tuyền**   
**Đêm ngủ ở Long Tuyền**   
  
白 天雙馬不停蹄   
夜晚嘗嘗五味雞   
虱冷乘機來夾擊   
隔鄰欣聽曉鶯啼   
Bạch thiên “song mã” bất đình đề   
Dạ vãn thường thường “ngũ vị kê”   
Sắt lãnh thừa cơ lai giáp kích   
Cách lân hân thính hiểu oanh đề.   
Bản dịch của Nam Trân - Huệ Chi:   
“Đôi ngựa” ngày đi chẳng nghỉ chân,   
Món “gà năm vị”, tối thường ăn;   
Thừa cơ rét, rệp xông vào đánh,   
Mừng sớm nghe oanh hót xóm gần.   
  
Long Tuyền là một huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, nằm giữa Thiên Bảo và Điền Đông. Tác giả chơi chữ: “song mã” là cỗ xe ngựa cho người quyền quý thời xưa, ngụ ý chỉ đôi chân tác giả; “ngũ vị kê” là một món ăn ngon nổi tiếng của Trung Quốc, ngụ ý chỉ đôi chân tác giả bị xiềng tréo giống như chân gà.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Điền Đông**

**田東**   
**Điền Đông**   
  
每餐一碗公家粥   
肚子時時在嘆吁   
白 飯 三 元不鉤飽   
薪如桂也米如珠   
Mỗi xan nhất uyển công gia chúc   
Đỗ tử thì thì tại thán nu   
Bạch phạn tam nguyên bất câu bão   
Tân như quế dã mễ như châu.   
Bản dịch của Nam Trân – Hoàng Trung Thông:   
Cháo tù mỗi bữa chia lưng bát,   
Cái bụng luôn luôn rên rỉ sầu;   
Cơm nhạt ba đồng ăn chẳng đủ,   
Củi thì như quế, gạo như châu.   
    
Điền Đông là một điểm dừng chân khi tác giả bị giải từ Tĩnh Tây đi Nam Ninh.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Mới đến nhà lao Thiên Bảo**

**初到天保獄**   
**Sơ đáo Thiên Bảo ngục**   
**Mới đến nhà lao Thiên Bảo**   
  
日 行五十 三 公里   
濕盡衣冠破盡鞋   
徹夜又無安睡處   
廁坑上坐待朝來   
Nhật hành ngũ thập tam công lý   
Thấp tận y quan phá tận hài   
Triệt dạ hựu vô an thụy xứ   
Xí khanh thượng tọa đại triêu lai.   
Bản dịch của Huệ Chi:   
Năm mươi ba dặm, một ngày trời,   
Áo mũ ướt đầm, dép tả tơi;   
Lại khổ thâu đêm không chốn ngủ,   
Ngồi trên hố xí đợi ban mai.   
Bản dịch của Khương Hữu Dụng - Nguyễn Sĩ Lâm:   
Ngày cuốc năm mươi ba cột số,   
Ướt đầm mũ áo, rách bươm giày;   
Thâu đêm lại chẳng nơi yên giấc,   
Ngồi trấn cầu tiêu, đợi sáng ngày.   
Dị bản:   
Năm mươi ba cây số một ngày,   
Áo mũ dầm mưa, rách hết giày;   
Lại khổ thâu đêm không chỗ ngủ,   
Ngồi trên hố xí đợi ban mai.   
Dị bản:   
Năm mươi ba dặm một ngày,   
Áo khăn ướt sũng, đôi giày xách xơ;   
Thâu đêm thôi cứ thức trơ,   
Ngồi trên hố xí đợi chờ sáng ra.   
    
Không hiểu tại sao bài này lại nằm sau bài Điền Đông?! Có lẽ là hồi ức của tác giả về quãng đường đi từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo chăng?

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Vợ người bạn tù đến nhà lao thăm chồng**

**難友之妻探監**   
**Nạn hữu chi thê thám giam**   
**Vợ người bạn tù đến nhà lao thăm chồng**   
  
君在铁窗裡   
妾在铁窗前   
相近在咫尺   
相隔似天渊   
口不能說的   
只賴眼傳言   
未言淚已滿   
情景真可憐   
Quân tại thiết song lý   
Thiếp tại thiết song tiền   
Tương cận tại chỉ xích   
Tương cách tự thiên uyên   
Khẩu bất năng thuyết đích   
Chỉ lại nhãn truyền nghiên   
Vị ngôn lệ dĩ mãn   
Tình cảnh chân khả liên!   
Bản dịch của Nam Trân – Hoàng Trung Thông:   
Anh ở trong song sắt,   
Em ở ngoài song sắt;   
Gần nhau chỉ tấc gang,   
Mà cách nhau trời vực;   
Miệng nói chẳng nên lời,   
Chỉ còn nhờ khóe mắt;   
Chưa nói, lệ tuôn tràn,   
Cảnh tình đáng thương thật!

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Các báo đăng tin: Đại hội hoan nghênh Willkie**

**各報 : 歡迎威基大會**   
**Các báo: Hoan nghênh Uy-ki Đại hội**   
**Các báo đăng tin: Đại hội hoan nghênh Willkie**   
  
同是中國友   
同是要赴渝   
君為坐上客   
我為階下囚   
同是代表也   
待遇胡懸殊   
人情分冷熱   
自古水東流   
Đồng thị Trung Quốc hữu   
Đồng thị yếu phó Du   
Quân vi tọa thượng khách   
Ngã vi giai hạ tù   
Đồng thị đại biểu dã   
Đãi ngộ hồ huyền thù?   
Nhân tình phân lãnh nhiệt   
Tự cổ thủy đông lưu.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Cũng là đi Trùng Khánh,   
Cũng là bạn Trung Hoa;   
Anh, làm khách trên sảnh,   
Tôi, thân tù dưới nhà;   
Cùng là đại biểu cả,   
Khinh trọng sao khác xa?   
Thói thường chia ấm lạnh,   
Về đông nước chảy mà!   
    
Uy-ki tức Wendell Willkie, đại biểu Mỹ trong phe Đồng minh chống phát-xít, trên đường đến Trùng Khánh, đi qua Đệ tứ chiến khu Quảng Tây được nhà đương cục tổ chức họi họp tiếp đãi. Bấy giờ, tác giả là đại biểu của Việt Nam độc lập đồng minh hội, cũng là đồng minh của Trung Quốc chống Nhật nhưng lại bị chính quyền Tưởng bắt giam.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Tự khuyên mình**

**自勉**   
**Tự miễn**   
**Tự khuyên mình**   
  
没有冬寒憔悴景   
將無春暖的輝煌   
災殃把我來鍛鍊   
使我精神更健強   
Một hữu đông hàn tiều tụy cảnh   
Tương vô xuân noãn đích huy hoàng   
Tai ương bả ngã lai đoàn luyện   
Sử ngã tinh thần cách kiện cường.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Ví không có cảnh đông tàn,   
Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân;   
Nghĩ mình trong bước gian truân,   
Tai ương rèn luyện tinh thần thêm hăng.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Cảnh đồng nội**

**野景**   
**Dã cảnh**   
**Cảnh đồng nội**   
  
我來之時禾尚青   
現在秋收半已成   
處處農民顏帶笑   
田間充滿唱歌聲   
Ngã lai chi thì hòa thượng thanh   
Hiện tại thu thu bán dĩ thành   
Xứ xứ nông dân nhan đới tiếu   
Điền gian sung mãn xướng ca thanh.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Tới đây khi lúa còn con gái,   
Gặt hái hôm nay quá nửa rồi;   
Khắp chốn nông dân cười hớn hở,   
Đồng quê vang dậy tiếng ca vui.   
Bản dịch của Nguyễn Sĩ Lâm:   
Khi ta mới đến còn xanh lúa,   
Vụ gặt bây giờ nửa đã xong;   
Khắp chốn nông dân cười hớn hở,   
Câu ca tiếng hát rộn trên đồng.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Hàng cháo**

**粥攤**   
**Chúc than**   
**Hàng cháo**   
  
路旁樹影凉陰下   
一椽茅芦是酒樓   
冷粥白盐供食譜   
行人過此暫停留   
Lộ bàng thụ ảnh lương âm hạ   
Nhất chuyến mao lư thị “tửu lâu”   
Lãnh chúc bạch diêm cung thực phổ   
Hành nhân quá thử tạm đình lưu.   
Bản dịch của Nam Trân - Huệ Chi:   
Ven đường nấp dưới bóng lùm cây,   
Một túp lều tranh: “tiệm rượu” đây;   
Nào món cháo hoa và muối trắng,   
Đường xa, khách tạm nghỉ nơi này.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Nhà lao Quả Đức**

**果德 獄**   
**Quả Đức ngục**   
**Nhà lao Quả Đức**   
  
監房也是小家庭   
柴米油盐自己營   
每个籠前一个灶   
成天煮飯與調羹   
Giam phòng dã thị tiểu gia đình   
Sài mễ du diêm tự kỷ doanh   
Mỗi cá lung tiền nhất cá táo   
Thành thiên chử phạn dữ điều canh .   
Bản dịch của Huệ Chi:   
Nhà lao mà giống tiểu gia đình,   
Gạo, củi, muối, dầu tự sắm sanh;   
Trước mỗi phòng giam bày một bếp,   
Suốt ngày lụi hụi với cơm canh.   
    
Quả Đức là một huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, trên lưu vực sông Hữu Giang, kế sau Điền Đông.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Bác Lưu, Sở trưởng Long An**

**隆安劉所長**   
**Long An Lưu Sở trưởng**   
**Bác Lưu, Sở trưởng Long An**   
  
辩事認真劉所長   
人人讚诵你公平   
文錢粒米都公布   
乾净囚籠好衛生   
Biện sự nhận chân Lưu Sở trưởng   
Nhân nhân tán tụng nhĩ công bình   
Văn tiền lạp mễ đô công bố   
Can tịnh tù lung hảo vệ sinh.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Làm việc đúng thay Lưu Sở trưởng,   
Ai ai cũng bảo bác công bình;   
Đồng tiền, bát gạo đều công bố,   
Sạch sẽ, lao tù rất vệ sinh.   
    
Long An là một phủ thuộc tỉnh Quảng Tây, nằm bên sông Hữu Giang, giữa đường từ Quả Đức đến Nam Ninh.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Giải đi sớm**

**早解**   
**Tảo giải**   
**Giải đi sớm**   
一   
一次雞啼夜未闌   
群星擁月上秋山   
征人已在征途上   
迎面秋風陣陣寒   
二   
東方白色已成紅   
幽暗殘餘早一空   
暖氣包羅全宇宙   
行人詩興忽加濃   
Nhất thứ kê đề dạ vị lan   
Quần tinh ủng nguyệt thượng thu san   
Chinh nhân dĩ tại chinh đồ thượng   
Nghênh diện thu phong trận trận hàn.   
    
Đông phương bạch sắc dĩ thành hồng   
U ám tàn dư tảo nhất không   
Noãn khí bao la toàn vũ trụ   
Hành nhân thi hứng hốt gia nồng   
Bản dịch của Nam Trân:   
Gà gáy một lần đêm chửa tan,   
Chòm sao nâng nguyệt vượt lên ngàn;   
Người đi cất bước trên đường thẳm,   
Rát mặt, đêm thu, trận gió hàn.   
    
Phương đông màu trắng chuyển sang hồng,   
Bóng tối đến tàn, quét sạch không;   
Hơi ấm bao la trùm vũ trụ,   
Người đi, thi hứng bỗng thêm nồng.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Đồng Chính**

**同正** 十一月二 日   
**Đồng Chính** (Thập nhất nguyệt nhị nhật)   
**Đồng Chính** (Ngày 2 tháng 11)   
    
同正正同平馬獄   
每餐一粥肚空空   
水和光線彶充足   
每 日 還開两次籠   
Đồng Chính chính đồng Bình Mã ngục   
Mỗi xan nhất chúc đỗ không không   
Thủy hòa quang tuyến hân sung túc   
Mỗi nhật hoàn khai lưỡng thứ lung.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Bình Mã thế nào Đồng Chính vậy,   
Bữa lưng bát cháo bụng cồn cào;   
Nước và ánh sáng thì dư dật,   
Ngày lại hai lần mở cửa lao.   
    
Bình Mã là tên gọi khác của Quả Đức, Đồng Chính là một huyện thuộc Quảng Tây, nằm bên sông Hữu Giang, trên đường từ Long An xuống Nam Ninh. Trong bài này tác giả chơi chữ, nói láy Đồng Chính thành “chính đồng” (giống như).

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Chăn giấy của người bạn tù**

**難友的紙被**   
**Nạn hữu đích chỉ bị**   
**Chăn giấy của người bạn tù**   
  
舊卷新書相補綴   
紙毡猶煖過無毡   
玉床錦帳人知否   
獄裡許多人不眠   
Cựu quyển tân thư tương bổ xuyết   
Chỉ chiên do noãn quá vô chiên   
Ngọc sàng cẩm trướng nhân tri phủ   
Ngục lý hứa đa nhân bất miên?   
Bản dịch của Nam Trân – Băng Thanh:   
Quyển xưa, sách mới bồi thêm ấm,   
Chăn giấy còn hơn chẳng có chăn;   
Trướng gấm, giường ngà, ai có biết,   
Trong tù bao kẻ ngủ không an?   
Bản dịch của Hoàng Ngân:   
Sách xưa vở mới khéo đem bồi,   
Chăn giấy hơn không đã hẳn rồi;   
Giường ngọc màn thêu ai có thấu,   
Trong lao không ngủ biết bao người.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Đêm lạnh**

**夜冷**   
**Dạ lãnh**   
**Đêm lạnh**   
  
秋深無褥亦無毡   
縮脛弓腰不可眠   
月照庭蕉增冷氣   
窺窗北斗已橫天   
Thu thâm vô nhục diệc vô chiên   
Súc hĩnh cung yêu bất khả miên   
Nguyệt chiếu đình tiêu tăng lãnh khí   
Khuy song Bắc Đẩu dĩ hoành thiên.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Đêm thu không đệm cũng không chăn,   
Gối quắp, lưng còng, ngủ chẳng an;   
Khóm chuối trăng soi càng thấy lạnh,   
Nhòm song, Bắc Đẩu đã nằm ngang.   
Bản dịch của Trần Đắc Thọ:   
Cuối thu chăn đệm cũng đều không,   
Co quắp nằm mà ngủ chẳng xong;   
Sân chuối trăng soi thêm lạnh lẽo,   
Ngang trời, Bắc Đẩu hiện ngoài song.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Dây trói**

**綁**   
**Bang**   
**Dây trói**   
  
脛臂長龍環繞著   
宛如外國武勳官   
勳官的是金緦線   
我的麻繩一大端   
Hĩnh tí trường long hoàn nhiễu trước   
Uyển như ngoại quốc vũ huân quan   
Huân quan đích thị kim ti tuyến   
Ngã đích ma thằng nhất đại đoan.   
Bản dịch của Nam Trân – Băng Thanh:   
Rồng quấn vòng quanh chân với tay,   
Trông như quan võ đủ tua, đai;   
Tua đai quan võ bằng kim tuyến   
Tua của ta là một cuộn gai.   
Bản dịch của Huệ Chi:   
Rồng dài vòng quấn khắp chân tay,   
Quan võ nước ngoài thắng bộ đây;   
Quan võ đeo tua kim tuyến thật,   
Còn ta, quấn một cuộn thừng đay!   
    
Tác giả hài hước về sợi dây trói, như rồng quấn quanh người, như dây thao kim tuyến. Quả thật là khí phách của kẻ anh hùng!

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Rụng mất một chiếc răng**

**落了一隻牙**   
**Lạc liễu nhất chích nha**   
**Rụng mất một chiếc răng**   
  
你的心情硬且剛   
不如老舌軟而長   
從來與你同甘苦   
現在東西各一方   
Nhĩ đích tâm tình ngạch thả cương   
Bất như lão thiệt nhuyễn nhi trường   
Tòng lai dữ nhĩ đồng cam khổ   
Hiện tại đông tây các nhất phương.   
Bản dịch của Trần Đắc Thọ:   
Cứng rắn như anh chẳng kém ai,   
Chẳng như lão lưỡi dẻo và dài;   
Ngọt bùi cay đắng từng chia sẻ,   
Nay kẻ chân mây, kẻ cuối trời.   
Dị bản:   
Cứng rắn như anh khác thói thường,   
Phải đâu mềm tựa lưỡi không xương;   
Ngọt bùi cay đắng từng chia sẻ,   
Nay phải xa nhau, kẻ một đường.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Long An – Đồng Chính**

**隆安同正**   
**Long An – Đồng Chính**   
  
此間土地廣而貧   
所以人民儉且勤   
聽說今春逢大旱   
十分收穫两三分   
Thử gian thổ địa quảng nhi bần   
Sở dĩ nhân dân kiệm thả cần   
Thính thuyết kim xuân phùng đại hạn   
Thập phân thu hoạch lưỡng tam phân.   
Bản dịch của Nam Trân – Băng Thanh:   
Vùng đây tuy rộng, đất khô cằn,   
Vì thế nhân dân kiệm lại cần;   
Nghe nói xuân nay trời đại hạn,   
Mười phần thu hoạch chỉ đôi phần.   
    
Bài này ghi lại nhận xét của tác giả về vùng Long An và Đồng Chính. Một bài thơ 4 câu, 28 chữ đã gói đủ Thiên - Địa – Nhân và nỗi hoài cố hương.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Trên đường phố**

**街上**   
**Nhai thượng**   
**Trên đường phố**   
  
街上人争看漢奸   
漢奸與我本無干   
無干仍是嫌疑犯   
使我心中覺點寒   
Nhai thượng nhân tranh khán Hán gian   
Hán gian dữ ngã bản vô can   
Vô can nhưng thị hiềm nghi phạm   
Sử ngã tâm trung giác điểm hàn.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Ngoài phố tranh nhau xem Hán gian,   
Hán gian, ta vốn thực vô can;   
Vô can vẫn bị nghi là có,   
Thực khiến lòng ta lạnh tới gan.   
Dị bản:   
Ngoài phố tranh nhau xem Hán gian,   
Hán gian, ta chẳng chút liên can;   
Tuy không nhưng bị nghi là có,   
Thực khiến lòng ta nhói tới gan.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Trên đường đi**

**路上**   
**Lộ thượng**   
**Trên đường đi**   
  
脛臂雖然被緊綁   
滿山鳥語與花香   
自由覽賞無人禁   
賴此征途減寂凉   
Hĩnh tí tuy nhiên bị khẩn bang   
Mãn sơn điểu ngữ dữ hoa hương   
Tự do lãm thưởng vô nhân cấm   
Lại thử chinh đồ giảm tịch lương.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Mặc dù bị trói chân tay,   
Chim ca rộn núi, hương bay ngát rừng;   
Vui say, ai cấm ta đừng,   
Đường xa, âu cũng bớt chừng quạnh hiu.   
Bản dịch của Huệ Chi:   
Dẫu trói chân tay đến ngặt nghèo,   
Khắp rừng hương ngát với chim kêu;   
Tự do thưởng ngoạn, ai ngăn được,   
Cô quạnh đường xa, vợi ít nhiều.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Gia quyến người bị bắt lính**

**徵兵家眷**   
**Trưng binh gia quyến**   
**Gia quyến người bị bắt lính**   
  
郎君一去不回頭   
使妾閨中獨抱愁   
當局可憐余寂寞   
請余來暫住牢囚   
Lang quân nhất khứ bất hồi đầu   
Sử thiếp khuê trung độc bão sầu   
Đương cục khả liên dư tịch mịch   
Thỉnh dư lai tạm trú lao tù.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Biền biệt anh đi không trở lại,   
Buồng the trơ trọi, thiếp ôm sầu;   
Quan trên xót nỗi em cô quạnh,   
Nên lại mời em tạm ở tù.   
    
Tác giả ngụ cảnh hài hước: chồng trốn lính, nhà cầm quyền bắt vợ ngồi tù thay.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Pha trò**

**解嘲**   
**Giải trào**   
**Pha trò**   
  
吃公家飯住公房   
軍警輪班去護從   
玩水遊山随所適   
男兒到此亦豪雄   
Ngật công gai phạn trú công phòng   
Quân cảnh luân ban khứ hộ tòng   
Ngoạn thủy du sơn tùy sở thích   
Nam nhi đáo thử diệc hào hùng!   
Bản dịch của Văn Trực – Văn Phụng:   
Ăn cơm nhà nước ở nhà công,   
Lính tráng thay phiên đến hộ tòng;   
Non nước dạo chơi tùy sở thích,   
Làm trai như thế cũng hào hùng!

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Đi Nam Ninh**

**往南寧**   
**Vãng Nam Ninh**   
**Đi Nam Ninh**   
  
銕繩硬替麻繩軟   
步步叮噹環珮聲   
雖是嫌疑間諜犯   
儀容却像舊公卿   
Thiết thằng ngạnh thế ma thằng nhuyễn   
Bộ bộ đinh đang hoàn bộ thanh   
Tuy thị hiềm nghi gián điệp phạm   
Nghi dung khước tượng cựu công khanh.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Hôm nay xiềng xích thay dây trói,   
Mỗi bước leng keng tiếng ngọc rung;   
Tuy bị tình nghi là gián điệp,   
Mà sao khanh tướng vẻ ung dung.   
    
Nam Ninh, còn gọi là Ung Ninh, một huyện của tỉnh Quảng Tây.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Cảnh binh khiêng lợn cùng đi**

**警兵担猪同行**   
**Cảnh binh đảm trư đồng hành**   
**Cảnh binh khiêng lợn cùng đi**   
一   
警士担猪同路走   
猪由人担我人牽   
人而反賤於猪仔   
因為人無自主權   
二   
世 上千辛和萬苦   
莫 如失却自由權   
一言一 動不自主   
如牛如馬任人牽   
Cảnh sĩ đảm trư đồng lộ tẩu   
Trư do nhân đảm ngã nhân khiên   
Nhân nhi phản tiện ư trư tử   
Nhân vị nhân vô tự chủ quyền.   
    
Thế thượng thiên tân hòa vạn khổ   
Mạc như thất khước tự do quyền   
Nhất ngôn nhất động bất tự chủ   
Như ngưu như mã nhậm nhân khiên.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Khiêng lợn, lính cùng đi một lối,   
Ta thì người dắt, lợn người khiêng;   
Con người coi rẻ hơn con lợn,   
Chỉ tại người không có chủ quyền.   
    
Trên đời nghìn vạn điều cay đắng,   
Cay đắng chi bằng mất tự do?   
Mỗi việc mỗi lời không tự chủ,   
Để cho người dắt tựa trâu bò!

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Hụt chân ngã**

**跌洛**   
**Điệt lạc**   
**Hụt chân ngã**   
  
夜仍黑暗已登程   
路又崎嶇甚不平   
跌入深坑危險甚   
幸能躍出了深坑   
Dạ nhưng hắc ám dĩ đăng trình   
Lộ hựu kỳ khu thậm bất bình   
Điệt nhập thâm khanh nguy hiểm thậm   
Hạnh năng dược xuất liễu thâm khanh.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Còn tối như bưng đã phải đi,   
Đường đi khúc khuỷu lại gồ ghề;   
Trượt chân nhỡ bước sa vào hố,   
May nhảy ra ngoài, suýt nữa nguy!   
Dị bản:   
Đêm còn tối mịt đã đi ngay,   
Đường lại gồ ghề khúc khuỷu thay!   
Thụt xuống hố sâu, nguy hiểm thực,   
Nhảy ra khỏi hố, biết rằng may!

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Giữa đường đáp thuyền đi Ung Ninh**

**半路撘船赴邕**   
**Bán lộ tháp thuyền phó Ung**   
**Giữa đường đáp thuyền đi Ung Ninh**   
  
乘舟順水往邕寧   
脛吊船欄似絞刑   
兩岸鄉村稠密甚   
江心漁父釣船輕   
Thừa chu thuận thủy vãng Ung Ninh   
Hĩnh điếu thuyền lan tự giảo hình   
Lưỡng ngạn hương thôn trù mật thậm   
Giang tâm ngư phủ điếu thuyền khinh.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Đáp thuyền thẳng xuống huyện Ung Ninh,   
Lủng lẳng chân treo tựa giảo hình;   
Làng xóm ven sông đông đúc thế,   
Thuyền câu rẽ sóng nhẹ thênh thênh.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Nhà ngục Nam Ninh**

**南寧獄**   
**Nam Ninh ngục**   
**Nhà ngục Nam Ninh**   
  
監房建築頂摩登   
澈夜輝煌照電燈   
因為每餐惟有粥   
使人肚子戰兢兢   
Giam phòng kiến trúc đính “ma-đăng”   
Triệt dạ huy hoàng chiếu điện đăng   
Nhân vị mỗi xan duy hữu chúc   
Sử nhân đỗ tử chiến căng căng.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Nhà lao xây dựng kiểu tân thời,   
Đèn điện thâu đêm sáng rực trời;   
Nhưng mỗi bữa ăn lưng bát cháo,   
Cho nên cái bụng cứ rên hoài.   
    
“Ma-đăng” phiên âm từ chữ “Modern” trong tiếng Anh có nghĩa là tối tân, hiện đại. Ở đây tác giả dùng ngụ ý hài hước: Chả có gì khác trước.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Buồn bực**

**納悶**   
**Nạp muộn**   
**Buồn bực**   
  
環球戰火鑠蒼天   
壯士相爭赴陣前   
獄裡閑人閑要命   
雄心不值一文錢   
Hoàn cầu chiến hỏa thước thương thiên   
Tráng sĩ tương tranh phó trận tiền   
Ngục lý nhàn nhân nhàn chiếu mệnh   
Hùng tâm bất trị nhất văn tiền.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Tráng sĩ đua nhau ra mặt trận,   
Hoàn cầu lửa bốc rực trời xanh;   
Trong ngục người nhàn nhàn quá đỗi,   
Chí cao mà chẳng đáng đồng chinh.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Nghe gà gáy**

**聽雞鳴**   
**Thính kê minh**   
**Nghe gà gáy**   
  
你只平常一隻雞   
朝朝報曉大聲啼   
一聲喚醒群黎梦   
你的功勞也不低   
Nhĩ chỉ bình thường nhất chích kê   
Triêu triêu báo hiểu đại thanh đề   
Nhất thanh hoán tỉnh quần lê mộng   
Nhĩ đích công lao dã bất đê.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Ngươi chỉ một chú gà thường,   
Báo sáng, ngày ngày tiếng gáy vang;   
Một tiếng, toàn dân bừng tỉnh mộng,   
Công ngươi đâu có phải là xoàng.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Một người tù cờ bạc chết cứng**

**一个賭犯硬了**   
**Nhất cá đổ phạm “ngạnh” liễu**   
**Một người tù cờ bạc chết cứng**   
  
他身只有骨包皮   
痛苦飢寒不可支   
昨夜他仍睡我側   
今朝他已九泉歸   
Tha thân chi hữu cốt bao bì   
Thống khổ cơ hàn bất khả chi   
Tạc dạ tha nhưng thụy ngã trắc   
Kim triêu tha dĩ cửu tuyền quy.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Thân anh da bọc lấy xương,   
Khổ đau, đói rét hết phương sống rồi;   
Đêm qua còn ngủ bên tôi,   
Sáng nay anh đã về nơi suối vàng.   
Bản dịch của Nguyễn Sĩ Lâm:   
Anh chỉ làn da bọc dúm xương,   
Khổ đau, đói rét sức khôn đương;   
Đêm qua còn ngủ bên tôi đó,   
Mà sáng hôm nay đã suối vàng.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Lại một người nữa...**

**又一个**   
**Hựu nhất cá...**   
**Lại một người nữa...**   
   
夷齊不食周朝粟   
賭犯不吃公家粥   
夷齊餓死首陽山   
賭犯餓死公家獄   
Di, Tề bất thực Chu triều túc,   
Đổ phạm bất ngật công gia chúc;   
Di, Tề ngã tử Thú Dương sơn,   
Đổ phạm ngã tử công gia ngục.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Di, Tề chẳng ăn gạo nhà Chu,   
Tù bạc chẳng ăn cháo nhà nước;   
Di, Tề chết đói ngàn Thú Dương,   
Tù bạc chết đói trong nhà ngục.   
   
Bá Di, Thúc Tề: con vua nước Cô Trúc đời nhà Ân (1401 - 1122 trước C.N), Trung Quốc. Khi Vũ Vương chiếm ngôi nhà Ân lập nên nhà Chu, Bá Di, Thúc Tề không chịu ăn gạo nhà Chu lên núi Thú Dương (nay thuộc tỉnh Hà Nam, Trung Quốc) ở ẩn, ăn rau vi, rồi chết đói ở đó.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Cấm hút thuốc**

**禁烟** 紙烟的   
**Cấm yên** (Chỉ yên đích)   
**Cấm hút thuốc** (Thuốc lá)   
    
烟禁 此間很厲害   
你烟 繳入他 烟 包   
當然他可吹 烟 斗   
你 若 吹 烟 罰手鐐   
他 : 獄 丁 也   
Yên cấm thử gian hẩn lệ hại,   
Nhĩ yên kiểu nhập tha yên bao;   
Đương nhiên tha khả xuy yên đẩu,   
Nhĩ nhược xuy yên, phạt thủ liêu.   
(Tha: ngục đinh dã)   
Bản dịch của Nam Trân:   
Hút thuốc nơi này cấm gắt gao,   
Thuốc anh nó tịch, bỏ vào bao;   
Nó thì kéo tẩu tha hồ hút,   
Anh hút, còng đây, tay ghé vào.   
(Nó: lính ngục)

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Nửa đêm nghe tiếng khóc chồng**

**夜半聞哭夫**   
**Dạ bán văn khốc phu**   
**Nửa đêm nghe tiếng khóc chồng**   
    
嗚呼夫君兮夫君   
何故夫君遽棄塵   
使 妾從今何處見   
十分心合意投人   
Ô hô phu quân, hề phu quân!   
Hà cố phu quân cự khí trần?   
Sử thiếp tòng kim hà xứ kiến,   
Thập phần tâm hợp ý đầu nhân.   
Bản dịch của Nguyễn Sĩ Lâm:   
Hỡi ôi, chàng hỡi, hỡi chàng ơi!   
Cơ sự vì sao vội lánh đời?   
Để thiếp từ nay đâu thấy được,   
Con người tâm ý hợp mười mươi.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Hoàng hôn**

**黄昏**   
**Hoàng hôn**   
   
風如利劍磨山石   
寒似尖鋒刺樹枝   
遠寺鐘聲催客步   
牧童吹笛引 牛歸   
Phong như lợi kiếm ma sơn thạch,   
Hàn tự tiêm phong thích thụ chi;   
Viễn tự chung thanh thôi khách bộ,   
Mục đồng xuy địch dẫn ngưu quy.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Gió sắc tựa gươm mài đá núi,   
Rét như dùi nhọn chích cành cây;   
Chùa xa chuông giục người nhanh bước,   
Trẻ dẫn trâu về tiếng sáo bay.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Tiền công**

**工金**   
**Công kim**   
**Tiền công**   
    
煮一鍋飯六毛錢   
一盆開水銀一元   
一元買物得六角   
獄中价格定昭然   
Chử nhất oa phạn lục mao tiền,   
Nhất bồn khai thủy ngân nhất nguyên;   
Nhất nguyên mãi vật đắc lục giác,   
Ngục trung giá cách định chiêu nhiên.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Thổi một nồi cơm, trả sáu hào,   
Nước sôi mỗi chậu, một đồng trao;   
Một đồng của đáng sáu hào chỉ,   
Giá cả trong tù định rõ sao!

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Ngủ không được**

**睡不着**   
**Thụy bất trước**   
**Ngủ không được**   
    
一更二更又三更   
輾轉徘徊睡不成   
四五更時才合眼   
梦魂環繞五尖星   
Nhất canh ... nhị canh... hựu tam canh,   
Triển chuyển, bồi hồi, thụy bất thành;   
Tứ, ngũ canh thì tài hợp nhãn,   
Mộng hồn hoàn nhiễu ngũ tiêm tinh.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Một canh... hai canh... lại ba canh,   
Trằn trọc băn khoăn, giấc chẳng thành;   
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,   
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.   
Bản dịch của Huệ Chi:   
Canh một... canh hai... lại canh ba,   
Trằn trọc, băn khoăn, khó ngủ mà;   
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,   
Sao vàng năm cánh quyện hồn ta.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Nhớ bạn**

    
 **憶友**   
**Ức hữu**   
**Nhớ bạn**   
    
昔君送我至江津   
問我歸期指谷新   
現在新田已犁好   
他鄉我作獄中 人   
Tích quân tống ngã chí giang tân,   
Vấn ngã quy kỳ, chỉ cốc tân;   
Hiện tại tân điền dĩ lê hảo,   
Tha hương ngã tác ngục trung nhân.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Ngày đi bạn tiễn đến bên sông,   
Hẹn bạn về khi lúa đỏ đồng;   
Nay gặt đã xong, cày đã khắp,   
Quê người, tôi vẫn chốn lao lung.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Viết hộ báo cáo cho các bạn tù**

**替难友們寫報告**   
**Thế nạn hữu mẫn tả báo cáo**   
**Viết hộ báo cáo cho các bạn tù**   
    
同舟共濟義難辞   
替友編修報告書   
奉 此等因今始學   
多 多博得感恩詞   
Đồng chu cộng tế nghĩa nan từ,   
Thế hữu biên tu báo cáo thư;   
“Phụng thử”, “đẳng nhân” kim thuỷ học,   
Đa đa bác đắc cảm ân từ.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Cùng hội cùng thuyền nên phải giúp,   
Viết thay báo cáo dám từ nan;   
“Chiểu theo”, “thừa lệnh” nay vừa học,   
Đã được bao lời bạn cảm ơn.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Ghẻ lở**

**癩瘡**   
**Lại sang**   
**Ghẻ lở**   
   
滿身紅綠如穿錦   
成日撈搔似鼓琴   
川錦囚中都貴客   
鼓琴难友盡知音   
Mãn thân hồng lục như xuyên cẩm,   
Thành nhật lao tao tự cổ cầm;   
Xuyên cẩm, tù trung đô quý khách,   
Cổ cầm, nạn hữu tận tri âm.   
Bản dịch của Văn Trực – Văn Phụng:   
Đầy mình đỏ tím như hoa gấm,   
Sột soạt luôn tay tựa gảy đàn;   
Mặc gấm, bạn tù đều khách quý,   
Gảy đàn, trong ngục thảy tri âm.   
    
Tác giả trào phúng mình mẩy đầy ghẻ giống như mặc áo gấm, còn động tác gãi ngứa thì như gảy đàn!

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Nghe tiếng giã gạo**

**聞舂米聲**   
**Văn thung mễ thanh**   
**Nghe tiếng giã gạo**   
  
米 被 舂 時很痛苦   
既 舂 之後白如綿   
人 生在世也這樣   
困 難是你玉成天   
 Mễ bị thung thì, hẩn thống khổ,   
Ký thung chi hậu, bạch như miên;   
Nhân sinh tại thế dã giá dạng,   
Khốn nạn thị nhĩ ngọc thành thiên.   
Bản dịch của Văn Trực – Văn Phụng:   
Gạo đem vào giã bao đau đớn,   
Gạo giã xong rồi, trắng tựa bông;   
Sống ở trên đời người cũng vậy,   
Gian nan rèn luyện mới thành công.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Ngày 11 tháng 11**

**雙十一**   
**Song thập nhất**   
**Ngày 11 tháng 11**   
一   
從前每到雙十一   
紀念歐洲罷戰期   
今 日五洲同血戰   
罪 魁就是惡 NA-ZI   
二   
中 华抗戰將六載   
烈 烈轟轟舉世知   
勝利雖然有把握   
仍須努力反攻時   
三   
抗日旌旗滿亞洲   
旌旗大小有差殊   
旌旗大的固須有   
小的旌旗不可無   
Tòng tiền mỗi đáo Song thập nhất,   
Kỷ niệm Âu châu bãi chiến kỳ;   
Kim nhật ngũ châu đồng huyết chiến,   
Tội khôi tựu thị ác Na-Zi.   
    
Trung Hoa kháng chiến tương lục tải,   
Liệt liệt oanh oanh cử thế tri;   
Thắng lợi tuy nhiên hữu bả ác,   
Nhưng tu nỗ lực phản công thì.   
    
Kháng Nhật tinh kỳ mãn Á châu,   
Tinh kỳ đại tiểu hữu sai thù;   
Tinh kỳ đại đích cố tu hữu,   
Tiểu đích tinh kỳ bất khả vô.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Thuở trước nơi nơi đều kỷ niệm,   
Mừng ngày đình chiến ở châu Âu;   
Năm châu nay lại đang tuôn máu,   
Bọn quỷ Nazi tội đứng đầu.   
    
Trung Hoa kháng chiến sáu năm chầy   
Oanh liệt, vang lừng khắp đó đây;   
Đến lúc phản công nên cố gắng,   
Mặc dầu thắng lợi nắm trong tay.   
    
Kháng Nhật, cờ bay khắp Á châu,   
Cờ to, cờ nhỏ chẳng đều nhau;   
Cờ to đã hẳn là nên có,   
Cờ nhỏ dù sao, thiếu được đâu.   
    
Tác giả nhân ngày 11-11 (song thập nhất) kỷ niệm chấm dứt Thế chiến thứ nhất (1914-1918), viết về cuộc kháng chiến chống phát xít Nhật xâm lược của nhân dân Trung Quốc, tính từ ngày 7-7-1937 đến cuối năm 1942 là gần 6 năm.   
Nazi viết tắt từ **Na** tionalso**zi**alistische Deutsche Arbeiterpartei (Đảng công nhân xã hội quốc gia Đức, tiếng Đức), gọi tắt là Q uốc xã. Đây là đảng phát xít phát động Thế chiến thứ hai (1939-1945).

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Báo động**

**警報** 十一月十二日   
**Cảnh báo** (Thập nhất nguyệt thập nhị nhật)   
**Báo động** (Ngày 12 tháng 11)   
    
敵机浩蕩到天 中   
避襲 人 民跑 一 空   
我 們出籠避空襲   
人人 歡喜得出籠   
Địch cơ hạo đãng đáo thiên trung,   
Tỵ tập nhân dân bào nhất không;   
Ngã mẫn xuất lung tỵ không tập,   
Nhân nhân hoan hỉ đắc xuất lung.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Máy bay địch bỗng đến ào ào   
Tất cả nhân dân chạy xuống hào,   
Cửa mở cho tù ra lánh nạn,   
Sổ lồng, ai nấy khoái làm sao!   
Bản dịch của Huệ Chi:   
Máy bay địch bỗng rộn không trung,   
Trốn nấp, nhân dân chạy sạch không;   
Tù phạm cũng tìm nơi ẩn nấp,   
Được ra ngoài ngục, khoái vô cùng.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Chơi chữ**

**折字**   
**Chiết tự**   
**Chơi chữ**   
    
囚 人 出去或為國   
患 過頭時始見忠   
人 有憂愁優點大   
籠開竹閂出真龍   
Tù nhân xuất khứ hoặc vi quốc,   
Hoạn quá đầu thì thuỷ kiến trung;   
Nhân hữu ưu sầu ưu điểm đại,   
Lung khai trúc sản, xuất chân long.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Người thoát khỏi tù ra dựng nước,   
Qua cơn hoạn nạn, rõ lòng ngay;   
Người biết lo âu, ưu điểm lớn,   
Nhà lao mở cửa, ắt rồng bay!   
    
Chiết tự là một hình thức phân tích chữ Hán ra từng bộ phận để thành những chữ mới, có ý nghĩa khác với ý nghĩa ban đầu. Theo lối chiết tự, bài thơ này còn có nghĩa đen như sau: chữ tù ( **囚** ) bỏ chữ nhân ( **人** ), cho chữ hoặc ( **或** ) vào, thành chữ quốc ( **國** ). Chữ hoạn ( **患** ) bớt phần trên đi thành chữ trung ( **忠** ). Thêm bộ nhân ( **人** ) đứng vào chữ ưu ( **憂** ) trong “ưu sầu” thành chữ ưu ( **優** ) trong “ưu điểm”. Chữ lung ( **籠** ) bỏ bộ trúc đầu ( **竹** ) thành chữ long ( **龍** ).

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**“Quán trọ”**

**旅館**   
**“Lữ quán”**   
**“Quán trọ”**   
   
照例初來諸难友   
必須睡在廁坑邊   
假 如你想好好睡   
你要多花几塊錢   
Chiếu lệ sơ lai chư nạn hữu   
Tất tu thụy tại xí khanh biên;   
Giả như nhĩ tưởng hảo hảo thụy,   
Nhĩ yếu đa hoa kỷ khối tiền.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Lệ thường tù mới đến,   
Phải nằm cạnh cầu tiêu;   
Muốn ngủ cho ngon giấc,   
Anh phải trả tiền nhiều.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Nắng sớm**

    
**早晴**   
**Tảo tình**   
**Nắng sớm**   
    
朝 陽穿過籠全部   
燒盡幽烟與暗霾   
生 氣頓時充宇宙   
犯 人个个笑顏開   
Triêu dương xuyên quá lung toàn bộ,   
Thiêu tận u yên dữ ám mai;   
Sinh khí đốn thì sung vũ trụ,   
Phạm nhân cá cá tiếu nhan khai.   
Bản dịch của Huệ Chi:   
Nắng sớm xuyên qua nơi ngục thất,   
Đốt tan khói đặc với sương dày;   
Đất trời phút chốc tràn sinh khí,   
Tù phạm cười tươi nở mặt mày.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**“Việt Nam có bạo động”**

**越有騷動** 邕報赤道訊十一月十二日   
**“Việt hữu tao động”** Ung báo, Xích đạo tấn 14-11   
**“Việt Nam có bạo động”** tin Xích đạo, báo Ung Ninh 14-11   
    
寧死不甘奴隸苦   
義旗到處又飄揚   
可 憐余做囚中客   
未得躬親上战場   
Ninh tử, bất cam nô lệ khổ,   
Nghĩa kỳ đáo xứ hựu phiêu dương;   
Khả liên dư tố tù trung khách,   
Vị đắc cung thân thướng chiến trường.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Thà chết chẳng cam nô lệ mãi,   
Tung bay cờ nghĩa khắp trăm miền;   
Xót mình giam hãm trong tù ngục,   
Chưa được xông ra giữa trận tiền.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Đoàn đại biểu Anh sang thăm Trung Hoa**

**英訪華团**   
**Anh phóng Hoa đoàn**   
**Đoàn đại biểu Anh sang thăm Trung Hoa**   
    
美团去了英团到   
到處欣逢熱烈情   
我 也訪華团一部   
卻遭特種的歡迎   
Mỹ đoàn khứ liễu Anh đoàn đáo,   
Đáo xứ hân phùng nhiệt liệt tình;   
Ngã dã “phóng Hoa đoàn” nhất bộ,   
Khước tao đặc chủng đích hoan nghênh.   
Bản dịch của Nam Trân – Hoàng Trung Thông:   
Đoàn Mỹ đi rồi đoàn Anh đến,   
Khắp chốn mừng reo tỏ nhiệt tình;   
Ta cũng “một đoàn” thăm quý quốc,   
Lại dành riêng một lối hoan nghênh.   
  Tác giả trào phúng tình cảnh của mình khi các đại biểu Mỹ, Anh trong phe Đồng minh chống phát-xít đều được chính quyền Tưởng tiếp đãi nhiệt tình; còn tác giả là đại biểu của Việt Nam độc lập đồng minh hội, cũng là đồng minh của Trung Quốc chống phát-xít Nhật nhưng “được” chính quyền Tưởng cho đi “thăm” các nhà tù.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Giải đi Vũ Minh**

**解往武 鳴 Giải vãng Vũ Minh Giải đi Vũ Minh** *18-11* 既解到南寧 又解返武鳴 鸞鸞 曲曲解 徒 延 我行程 不平   
Ký giải đáo Nam Ninh,   
Hựu giải phản Vũ Minh;   
Loan loan, khúc khúc giải,   
Đồ diên ngã hành trình.   
 Bất bình!   
Bản dịch của Văn Trực – Văn Phụng:   
Đã giải đến Nam Ninh,   
Lại giải về Vũ Minh;   
Giải đi quanh quẹo mãi,   
Kéo dài cả hành trình.   
Bất bình!   
   
Vũ Minh là một tên huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, một địa điểm trên đường bộ từ Tĩnh Tây đến Nam Ninh. Tác giả đã bị giải đến Nam Ninh dọc theo đường sông, nay lại giải lại về phía Tĩnh Tây theo đường bộ.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Thịt chó ở Bào Hương**

**芭 鄉 拘肉**   
**Bào Hương cẩu nhục**   
**Thịt chó ở Bào Hương**   
 過果德時吃鮮魚 過芭鄉時吃狗肉 可見一般迎解人 生活有峙也不俗   
Quá Quả Đức thì ngật tiên ngư,   
Quá Bào Hương thì ngật cẩu nhục;   
Khả kiến nhất ban đệ giải nhân,   
Sinh hoạt hữu thì dã bất tục.   
Bản dịch của Đỗ Văn Hỷ:   
Qua Quả Đức thì chén cá tươi,   
Qua Bào Hương lại xơi thịt chó;   
Cho hay bọn giải tù nhân này,   
Cách sống đôi khi cũng sành đó.   
    
Bào Hương là một địa điểm trên đường bộ từ Nam Ninh đi Vũ Minh.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Phu làm đường**

**築 路 夫 Trúc lộ phu Phu làm đường**   餐風浴雨未曾休 慘淡經營築路夫 車馬行人來往者 幾人感謝你功勞   
Xan phong dục vũ vị tằng hưu,   
“Thảm đạm kinh doanh” trúc lộ phu;   
Xa mã hành nhân lai vãng giả,   
Kỷ nhân cảm tạ nhĩ công lao?   
Bản dịch của Nam Trân:   
Dãi gió, dầm mưa chẳng nghỉ ngơi,   
Phu đường vất vả lắm ai ơi!   
Ngựa xe, hành khách thường qua lại,   
Biết cảm ơn anh được mấy người?   
   
“Thảm đạm kinh doanh” là một thành ngữ Trung Quốc, ý nói dốc sức, mưu toan, tận tụy với công việc.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Lính ngục đánh cắp mất chiếc gậy của ta**

**獄 丁窃我之士的**   
**Ngục đinh thiết ngã chi sĩ-đích**   
**Lính ngục đánh cắp mất chiếc gậy của ta**  一 生正直又坚强 携 手 同行 幾 雪霜 恨彼 奸 人 離我 俩 長胶 我 你 各 凄凉   
Nhất sinh chính trực hựu kiên cương,   
Huề thủ đồng hành kỷ tuyết sương;   
Hận bỉ gian nhân ly ngã lưỡng,   
Trường giao ngã nhĩ các thê lương.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Suốt đời ngay thẳng lại kiên cường,   
Dìu dắt nhau đi mấy tuyết sương;   
Giận kẻ gian kia gây cách biệt,   
Hai ta dằng dặc nỗi buồn thương.   
   
Sĩ-đích phiên âm từ tiếng Anh “stick”, có nghĩa là chiếc gậy.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Cột cây số**

**公里碑**   
**Công lý bi**   
**Cột cây số**   
不 高亦 不遠 非帝亦非王 小小一片石 屹立大道旁 人賴你指示 不走錯向方 你給人指示 途路之短長 你功也不小 人人不你忘   
   
Bất cao diệc bất viễn,   
Phi đế diệc phi vương;   
Tiểu tiểu nhất phiến thạch,   
Ngật lập đại đạo bàng;   
Nhân lai nhĩ chỉ thị,   
Bất tẩu thác hướng phương;   
Nhĩ cấp nhân chỉ thị,   
Đồ lộ chi đoản trường;   
Nhĩ công dã bất tiểu,   
Nhân nhân bất nhĩ vương.   
Bản dịch của Văn Trực – Văn Phụng:   
Chẳng cao cũng chẳng xa,   
Không đế cũng không vương;   
Một phiến đá nho nhỏ,   
Đứng sừng sững bên đường;   
Người nhờ anh chỉ lối,   
Đi đúng hướng đúng phương;   
Anh chỉ cho người biết,   
Nào dặm ngắn, dặm trường;   
Mọi người nhớ anh mãi,   
Công anh chẳng phải thường.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Cháu bé trong ngục Tân Dương**

**賓陽獄 中孩**   
**Tân Dương ngục trung hài**   
**Cháu bé trong ngục Tân Dương**   
*22-11* Oa ...! Oa ...! Oaa ...! 家怕當兵 救 國 家 所以 我年才 半歲 要 到獄 中 跟 着媽   
    
Oa...! Oa...! Oaa...!   
Gia phạ đương binh cứu quốc gia;   
Sở dĩ ngã niên tài bán tuế,   
Yếu đáo ngục trung căn trước ma.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Oa...! Oa...! Oaa...!   
Cha sợ sung quân cứu nước nhà;   
Nên nỗi thân em vừa nửa tuổi,   
Phải theo mẹ đến ở nhà pha.   
   
Tân Dương là một huyện, thuộc tỉnh Quảng Tây, một địa điểm trên đường bộ từ Nam Ninh đi Quế Lâm. Cũng như bài Trưng binh gia quyến, bài này mượn lời một cháu nhỏ để châm biếm lối bắt lính của chính quyền Tưởng Giới Thạch. Vì không bắt được chồng vào lính, họ đã bỏ tù người vợ cùng với con nhỏ.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Gửi Nehru**

**寄 尼魯**   
**Ký Nê Lỗ**   
**Gửi Nehru** 其 一 我奮鬥的君活動 君入獄的我住籠 萬里遥遥未见面 神交自在不言中 其 二 我們遭逢本是同 不同的是所遭逢 我居友者圈囹裡 君在仇人梏桎中   
    
Ngã phấn đấu thì quân hoạt động,   
Quân nhập ngục thì ngã trú lung;   
Vạn lý dao dao vị kiến diện,   
Thần giao tự tại bất ngôn trung.   
    
Ngã môn tao phùng bản thị đồng,   
Bất đồng đích thị sở tao phùng;   
Ngã cư hữu giả quyền linh lý,   
Quân tại cừu nhân cốc trất trung.   
Bản dịch của Hoàng Trung Thông:   
Khi tôi phấn đấu, anh hoạt động,   
Anh phải vào lao, tôi ở tù;   
Muôn dặm xa với chưa gặp mặt,   
Không lời mà vẫn cảm thông nhau.   
    
Đôi ta cảnh ngộ vốn không khác,   
Cảnh ngộ giờ đây khác bội phần;   
Tôi, chốn lao tù người bạn hữu,   
Anh, trong gông xích bọn cừu nhân.   
   
Nê Lỗ tức Jawaharlal Nehru (1889-1964), một chiến sĩ của nền độc lập Ấn Độ và là Thủ tướng Ấn Độ từ năm 1947 đến 1964. Tác giả đã từng gặp cụ Motilal Nehru, thân sinh của Thủ tướng Nehru, cũng là một chiến sĩ lão thành, ở Hội nghị quốc tế chống chiến tranh đế quốc tại Bruxelle (Bỉ) năm 1927.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Tiền đèn**

**燈光費**   
**Đăng quang phí**   
**Tiền đèn**   
  入籠要納燈光费 桂幣人人各六元 步入朦朧幽暗地 光明值得 六元錢   
   
Nhập lung yếu nạp đăng quang phí,   
Quế tệ nhân nhân các lục nguyên;   
Bộ nhập mông lung u ám địa,   
Quang minh trị đắc lục nguyên tiền!   
Bản dịch của Nam Trân:   
Vào lao phải nộp khoản tiền đèn,   
Tiền Quảng Tây vừa đúng sáu “nguyên”;   
Vào chỗ tối tăm mù mịt ấy,   
Quang minh đáng giá bấy nhiêu tiền.   
   
Nguyên văn “Quế tệ”, tức tiền Quế. Quế là một tên khác của tỉnh Quảng Tây.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Sinh hoạt trong tù**

**獄中 生 活**   
**Ngục trung sinh hoạt**   
**Sinh hoạt trong tù**   
  每人各有一火炉 大大小小幾個鍋 煮飯煮茶又煮采 成天煙火没時無   
Mỗi nhân các hữu nhất hỏa lô,   
Đại đại, tiểu tiểu kỷ cá oa;   
Chử phạn chử trà hựu chử thái,   
Thành thiên yên hoả một thì vô.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Hỏa lò ai cũng có riêng rồi,   
Nhỏ nhỏ, to to mấy chiếc nồi;   
Cơm, nước, rau, canh, đun với nấu,   
Suốt ngày khói lửa mãi không thôi.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Tiên sinh họ Quách**

**郭先生 Quách tiên sinh Tiên sinh họ Quách** 萍水相逢談片刻 郭 君對我甚慇懃 雪中送炭雖然少 世界仍存這種人   
“Bình thủy tương phùng”, đàm phiến khắc,   
Quách quân đối ngã thậm ân cần;   
“Tuyết trung tống thán” tuy nhiên thiểu,   
Thế giới nhưng tồn giá chủng nhân.   
 Bản dịch của Nam Trân - Huệ Chi:   
“Gặp nhau bèo nước”, chuyện gần xa,   
Ông Quách ân cần đối đãi ta;   
“Rét đến cho than”, không mấy kẻ,   
Đời nay người thế vẫn còn mà.   
   
“Bình thủy tương phùng”: thành ngữ Trung Quốc nghĩa là bèo theo nước khi hợp khi tan, ý nói những người chưa từng quen biết bỗng dưng gặp nhau.   
“Tuyết trung tông thán”: thành ngữ Trung Quốc nghĩa là cho than sưởi ấm trong những ngày tuyết rơi, ý nói giúp đỡ người khác những lúc hoạn nạn.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Trưởng ban họ Mạc**

**莫 班 長 Mạc ban trưởng Trưởng ban họ Mạc**   慷慨賓陽莫班長 解囊買飯給囚人 晚間解縛給他睡 不用威權只用恩   
Khảng khái Tân Dương, Mạc ban trưởng,   
Giải nang mãi phạn cấp tù nhân;   
Vãn gian giải phược cấp tha thụy,   
Bất dụng uy quyền, chỉ dụng ân.   
Bản dịch của Nam Trân:   
Trưởng ban họ Mạc người hào hiệp,   
Dốc túi mua cơm giúp phạm nhân;   
Đêm đến cởi thừng cho họ ngủ,   
Chẳng dùng quyền thế, chỉ dùng ân.

**Hồ Chí Minh**

Nhật ký trong tù

**Nhà lao Thiên Giang**

**遷江獄 Thiên Giang ngục Nhà lao Thiên Giang** 1/12 籠 外六 十 九 人 盎 籠中 的盎 不知數 監 房 卻 像 刨藥 堂 又 像街上 買 盎 鋪   
Lung ngoại lục thập cửu nhân áng,   
Lung trung đích áng bất tri số;   
Giam phòng khước tượng bào dược đường,   
Hựu tượng nhai thượng mại áng phố.   
Bản dịch của Băng Thanh:   
Ngoài lao sáu chín chiếc ang người,   
Chồng chất trong lao biết mấy mươi;   
Nhà ngục mà như nhà chế thuốc,   
Gọi là hàng chĩnh cũng không sai.   
    
Thiên Giang: tên huyện thuộc tỉnh Quảng Tây.   
Ang là một loại chậu, ang người là một kiểu áo quan giống như chiếc chậu lớn. Quảng Tây và một số tỉnh phía nam Trung Quốc có tục chôn người, thường theo tư thế ngồi, vào những chiếc ang.   
Ở một dị bản, câu 1 chép có khác biệt ở chữ nhân ( **人** ) thay bằng chữ cá ( **个** ). Sự thay đổi này làm thay đổi cả ý nghĩ của bài thơ theo hướng nhẹ nhàng hơn.   
    
Sáu mươi chín chậu đặt ngoài lao,   
Chậu ở trong lao khôn xiết kể;   
Nhà ngục giống như phòng bào chế,   
Lại như hàng chậu dọn trên đường.

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.  
Nguồn: http://vnthuquan.net  
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.  
  
Nguồn:   
Được bạn: Thái Nhi đưa lên  
vào ngày: 13 tháng 3 năm 2004